

Số: **04/2022/QĐST-HNGĐ**

Sơn Dương, ngày 06 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 570/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2021, về việc “ Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Kim D** - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm S, xã C, huyện L, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh **Đặng Văn D1** - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn S1, huyện S1, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83; Điều 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Bùi Thị Kim D, sinh năm 1993 - Địa chỉ: Xóm Suối Bu, xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và bị đơn anh Đặng Văn D1, sinh năm 1993 - Địa chỉ: Tổ dân phố An Đình, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị Kim D và anh Đặng Văn D1 thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Bùi Thị Kim D và anh Đặng Văn D1 thỏa thuận nhất trí giao cháu Đặng Khánh D2 – Sinh ngày: 09/01/2014 cho chị Bùi Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D2 trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đặng Văn D1 có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Kim D và anh Đặng Văn D1 thỏa thuận nhất trí anh Đặng Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đặng Khánh D2 – Sinh ngày: 09/01/2014 số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng), phương thức cấp dưỡng là định kỳ hàng tháng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người nhận tiền cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Kim D, sinh năm 1993- Địa chỉ: Xóm Suối Bu, xã Cao Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Chị Bùi Thị Kim D và anh Đặng Văn D1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về vay nợ chung:** Chị Bùi Thị Kim D và anh Đặng Văn D1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Kim D phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001874, ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Bùi Thị Kim D số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Đặng Văn D1 phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND thị trấn S1, huyện S1
(Nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự.
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường